

Số: 39 /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Dự kiến Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm /2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến về dự kiến lần thứ ba Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 và Báo cáo số 205/BC-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự kiến lần thứ nhất Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 69/BC-KTNS ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Đồng ý nguyên tắc, thứ tự ưu tiên giao Kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021.

2. Dự kiến nguồn vốn đầu tư công năm 2022 do thành phố quản lý là 18.340,25 tỷ đồng. Bao gồm:

- a) Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương: 1.500,00 tỷ đồng;
- b) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 14.840,25 tỷ đồng;
- c) Vốn đầu tư từ nguồn vốn vay: 2.000,00 tỷ đồng.

3. Phương án bố trí vốn đầu tư công năm 2022:

Căn cứ nhu cầu đầu tư cho các chương trình, dự án của thành phố, dự kiến phương án bố trí vốn đầu tư công như sau:

a) Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương: phân bổ đúng danh mục và mức vốn cho từng dự án, chương trình theo Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ.

b) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương và vốn đầu tư từ nguồn vốn vay bố trí theo thứ tự ưu tiên sau:

- Ghi thu - ghi chi tiền sử dụng đất: 1.000,000 tỷ đồng;
- Phân cấp cho các quận, huyện: 2.859,317 tỷ đồng;
- Hỗ trợ các quận xây dựng các công viên cây xanh: 105,000 tỷ đồng;
- Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu: 2.996,190 tỷ đồng;
- Vốn cho công tác quy hoạch: 50,000 tỷ đồng;
- Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng: 92,240 tỷ đồng;
- Cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách: 10,000 tỷ đồng;
- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện các dự án của thành phố: 9.720,502 tỷ đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục hoàn thiện dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022 như sau:

a) Báo cáo Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành Trung ương phê duyệt các quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa ngân sách các cấp theo hướng tạo điều kiện cho thành phố có thêm nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

b) Khẩn trương xây dựng phương án, đề án huy động nguồn vốn vay để đầu tư các dự án trọng điểm của thành phố, báo cáo các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để có thêm nguồn vốn đầu tư năm 2022.

c) Quyết định đầu tư các dự án đã được Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư để làm cơ sở giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022.

d) Chỉ đạo, đôn đốc các dự án đã hoàn thành công tác thi công khẩn trương lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành, thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định hiện hành để đủ điều kiện bố trí vốn dứt điểm cho các dự án trong năm 2022.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XVI, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND TP, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu (UBND TP);
- Các Bộ: KH và ĐT, TC;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XVI;
- Các VP: TU, ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các quận ủy, huyện ủy;
- TTHĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP ĐBQH và HĐND TP;
- Công báo HP, Công TTĐT TP (để đăng);
- Báo HP, Đài PT và TH HP;
- Các CV VP ĐBQH và HĐND TP;
- Lưu VT, HSKH.



Phạm Văn Lập

BIỂU I: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

(Giữ kèm theo Nghị quyết số

39 /NQ-HĐND ngày 12 / 8 /2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022			Ghi chú
		Kế hoạch HĐND TP đã giao	Ước thực hiện	Số vốn	So với ước thực hiện năm 2021		
					Giá trị tăng / giảm	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6=5-4	7=6/3	
I	Vốn đầu tư công của địa phương	12.372.336,0	13.747.336,0	16.840.250,0	3.092.914,0	122,5	
1	Ghi chi tiền đất	1.000.000,0	1.000.000,0	1.000.000,0	0,0	100,0	Sẽ cập nhật sau khi HĐND TP phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ điều tiết năm 2022
2	Phân cấp cho các quận, huyện	2.755.685,0	2.755.685,0	2.859.317,5	103.632,5	103,8	
a	Hỗ trợ vốn đầu tư công từ NSTP	1.470.755,0	1.470.755,0	1.617.830,5	147.075,5	110,0	Tăng 10% so với năm 2021
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền đất và kinh phí bồi thường GPMB, đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất của các quận, huyện	1.241.487,0	1.241.487,0	1.241.487,0	0,0	100,0	Sẽ cập nhật sau khi HĐND TP phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ điều tiết năm 2022
c	Chi đầu tư từ nguồn thu được điều tiết (quận Hải An)	43.443,0	43.443,0	0,0	-43.443,0	0,0	
3	Hỗ trợ các quận, huyện chi trả kinh phí bồi thường GPMB tái định cư phục vụ Dự án Xây dựng đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn thành phố	220.442,4	220.442,4	0,0	-220.442,4	0,0	Hết nhu cầu
4	Hỗ trợ các quận xây dựng các công viên cây xanh (07 quận)	105.000,0	100.004,0	105.000,0	4.996,0	105,0	Sẽ cập nhật sau khi thành phố hoàn tất các thủ tục đầu tư xây dựng công viên cây xanh
5	Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu	944.401,0	944.401,0	2.996.190,0	2.051.789,0	317,3	Bổ trí đủ cho 14 xã năm 2021 là 1.996,2 tỷ đồng và dự kiến 20 xã khởi công mới năm 2022 là 1.000 tỷ đồng
6	Công tác quy hoạch (Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch khác theo Luật Quy hoạch)	50.000,0	32.000,0	50.000,0	18.000,0	156,3	
7	Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng	9.977,0	152.780,0	99.240,0	-53.540,0	65,0	Đù theo Tờ trình số 57/TTTr-SLĐTĐBXH ngày 15/6/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
8	Cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách			10.000,0	10.000,0		
9	Vốn thực hiện dự án và vốn chuẩn bị đầu tư các dự án của thành phố	7.286.830,6	8.542.023,6	9.720.502,5	1.178.478,9	133,4	
a	Các dự án vay lại vốn ODA theo Hiệp định đã ký	62.400,0	62.400,0	66.000,0	3.600,0	105,8	
b	Các dự án của thành phố, bao gồm:	7.224.430,6	8.479.623,6	9.654.502,5	1.174.878,9	133,6	
+	Các dự án quyết toán	150.000,0		0,0	0,0		Hiện không có DA nào, nếu phát sinh sẽ ưu tiên hồ trí vốn dứt điểm
+	Các dự án nợ đọng XDCB			125.701,0	125.701,0		Bổ trí vốn để thực hiện theo kiến nghị KTNN
+	Các dự án thu hồi vốn ứng trước			35.862,0	35.862,0		
+	Các dự án chuyển tiếp	6.250.044,5		7.594.351,6	7.594.351,6	121,5	
+	Các dự án khởi công mới và vốn chuẩn bị đầu tư	824.386,1		1.898.587,9	1.898.587,9	230,3	

BIỂU II: PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP
(Gửi kèm theo Nghị quyết số 39 /NQ-HĐND ngày 12 / 8 /2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết tháng 6/2021		Nhu cầu vốn NSTP còn lại	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Trong đó: NSTP		
	TỔNG SỐ			40.171.324	37.127.304	27.424.613	25.247.761	11.879.544	
A	Các dự án trọng điểm			9.016.893	8.540.893	5.447.612	4.973.762	3.567.131	
I	Hoạt động kinh tế			9.016.893	8.540.893	5.447.612	4.973.762	3.567.131	
I.1	Giao thông			9.016.893	8.540.893	5.447.612	4.973.762	3.567.131	
1	Cải tạo nâng cấp đường 359 từ cầu Bình đến xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên	UBND huyện Thủy Nguyên	2931/QĐ-UBND 31/10/2017	1.315.665	1.235.665	1.315.665	1.235.665		Đang điều chỉnh 0 TMĐT do tăng chi phí GPMB.
2	Cải tạo nâng cấp đường 359 đoạn từ xã Thủy Triều đến đường trục giao thông Khu đô thị và công nghiệp bến Rừng, huyện Thủy Nguyên	UBND huyện Thủy Nguyên	2626/QĐ-UBND, 30/10/2019	1.141.437	1.141.437	1.001.000	1.001.000	140.437	
3	Xây dựng tuyến đường Đông Khê 2 - giai đoạn I, quận Ngô Quyền đoạn từ ngã tư Nguyễn Bình Khiêm - Văn Cao đến đường Lê Lợi	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	917/QĐ-UBND, 24/5/2013 355/QĐ-UBND, 07/3/2016	1.357.411	1.357.411	622.466	622.466	734.945	
4	Xây dựng cầu Rào I	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	2143/QĐ-UBND, 24/7/2020	2.265.198	2.265.198	1.151.000	1.151.000	1.114.198	
5	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 10 đoạn từ cầu Đá Bạc đến cầu Kiền	BQLDA phát triển đô thị và đầu tư xây dựng công trình dân dụng	3095/QĐ-UBND, 07/10/2020	1.220.720	1.220.720	367.681	367.681	853.039	
6	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường bộ ven biển qua địa bàn thành phố Hải Phòng từ ĐT.353 đến cầu Thái Bình (Km0-Km19+645)	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	2513/QĐ-UBND, 24/8/2020	946.367	550.367	396.000	2.150	548.217	

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết tháng 6/2021		Nhu cầu vốn NSTP còn lại	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Trong đó: NSTP		
7	Xây dựng tuyến đường nối từ nút giao Nam cầu Bình đến Ngã 4 đường Tôn Đức Thắng - Máng Nước - Quốc lộ 5	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	1910/QĐ-UBND, 20/8/2019	770.095	770.095	593.800	593.800	176.295	
B	Các dự án đối ứng ODA			1.555.912	172.696	594.584	46.970	125.726	
I	Hoạt động kinh tế			1.379.982	147.957	448.819	33.045	114.912	
I.1	Nông nghiệp, thủy lợi và thủy sản			1.204.052	123.218	303.054	19.120	104.098	
1	Xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi phục vụ cấp nước cho đảo Bạch Long Vỹ (giai đoạn 1)	Tổng đội thanh niên xung phong	1648/QĐ-UBND, 17/10/2011 145/QĐ-UBND, 21/01/2016 498/QĐ-UBND, 07/3/2017 3267/QĐ-UBND, 29/11/2017	188.192	16.192	178.120	6.120	10.072	
2	Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	BQLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1658/QĐ-BNN-HTQT 04/5/2017	885.860	86.960	37.000	5.000	81.960	
3	Phục hồi và phát triển rừng ven biển tại quần đảo Cát Bà thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016 -2020	BQLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	2580/QĐ-UBND, 31/10/2018 1940/QĐ-UBND, 21/8/2019	130.000	20.066	117.934	8.000	12.066	
II	Bảo vệ môi trường			101.085	16.944	73.535	8.745	8.199	
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	2591/QĐ-UBND 05/10/2017	101.085	16.944	73.535	8.745	8.199	
III	Y tế			74.845	7.795	72.230	5.180	2.615	
1	Cung cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng	Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng	151/QĐ-UBND 21/01/2016; 2618/QĐ-UBND, 09/10/2018	74.845	7.795	72.230	5.180	2.615	
C	Các dự án chuyển tiếp khác			29.598.519	28.413.715	21.382.416	20.227.028	8.186.687	
I	Hoạt động kinh tế			27.503.363	26.625.206	20.119.371	19.179.248	7.445.958	
I.1	Giao thông			12.876.762	12.538.883	7.668.369	7.278.479	5.260.404	

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết tháng 6/2021		Nhu cầu vốn NSTP còn lại	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Trong đó: NSTP		
1	Xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (Km1+00) đến Ngã Ba Vạn Bùn (đường Lý Thái Tổ), quận Đồ Sơn	UBND quận Đồ Sơn	1963/QĐ-UBND, 10/7/2020	832.689	832.689	301.500	300.000	532.689	
2	Xây dựng mở rộng đường ĐT 363 (đoạn kênh Hòa Bình, từ ĐT353 đến ĐT 361)	UBND huyện Kiến Thụy	3096/QĐ-UBND, 07/10/2020	566.957	566.957	53.500	50.000	516.957	
3	Xây dựng trục đường Hồ Sen - Cầu Rào 2, đoạn từ nút giao với đường Nguyễn Văn Linh đến ngã 3 đường Chợ Con	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	2911/QĐ-UBND, 22/9/2020	2.053.334	2.053.334	1.750.670	1.750.670	302.665	
4	Xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 354 qua Khu công nghiệp Kiến Thụy đến đường bộ ven biển tại xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy	UBND huyện Kiến Thụy	2650/QĐ-UBND, 31/10/2019	924.238	924.238	93.000	93.000	831.238	
5	Xây dựng đường nối từ cầu Lạng Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo đến đường bộ ven biển	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	2662/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.343.185	1.343.185	99.100	99.100	1.244.085	
6	Mở rộng đường xuyên đảo Cát Hải (Cái Viêng - Mốc Trắng)	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	2275/QĐ-UBND 20/11/2007 1122/QĐ-UBND 17/6/2009 356a/QĐ-UBND 20/02/2017 2502/QĐ-UBND 26/9/2017	777.510	745.230	551.575	519.295	225.935	
7	Cải tạo, nâng cấp đường 356, đoạn từ Ngã ba Áng Sỏi đến tổ dân phố số 2 thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	2723/QĐ-UBND 22/10/2018	232.178	232.178	177.557	177.557	54.621	
8	Cải tạo, nâng cấp đường 356 (đoạn từ ngã ba Hiền Hào đến ngã ba Áng Sỏi, huyện Cát Hải)	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	1445/QĐ-UBND, 16/9/2011 1604/QĐ-UBND, 22/8/2013 1818/QĐ-UBND, 21/8/2014 2503/QĐ-UBND, 26/9/2017	826.657	555.657	703.743	462.883	92.774	

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết tháng 6/2021		Nhu cầu vốn NSTP còn lại	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Trong đó: NSTP		
9	Xây dựng tuyến đường từ cầu Lạng Am đến cầu Nhân Mục, huyện Vĩnh Bảo	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	2671/QĐ-UBND 31/10/2016 2779/QĐ-UBND 26/10/2018	1.290.947	1.290.947	1.092.356	1.092.356	198.591	
10	Xây dựng tuyến đường vào và khu bảo tồn bãi cọc Cao Quý, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên	UBND huyện Thủy Nguyên	719/QĐ-UBND, 12/3/2020 2111/QĐ-UBND 23/7/2020	362.461	362.461	303.510	252.510	109.951	
11	Cải tạo đường thị trấn Minh Đứ, huyện Thủy Nguyên	UBND huyện Thủy Nguyên	2930/QĐ-UBND 31/10/2017	305.462	305.462	303.297	303.297	2.165	
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Đoàn Lập - cầu Hàn - quốc lộ 37	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	2933/QĐ-UBND 31/10/2017 2374/QĐ-UBND 04/10/2019	318.592	318.592	258.143	258.143	60.449	
13	Xây dựng tuyến đường bao phía Nam kênh huyện đội, thị trấn Tiên Lãng (đoạn từ đường 354 đến đường 212)	UBND huyện Tiên Lãng	2856/QĐ-UBND 30/10/2017	103.415	92.462	82.600	46.300	46.162	
14	Cải tạo, nâng cấp đường 362 huyện An Lão (đoạn từ ngã ba Quán Chùng Km18+500 đến ngã tư Kênh Km27+600)	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	2887/QĐ-UBND 30/10/2017	133.534	133.534	102.716	102.716	30.818	
15	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Gia Tự (đoạn từ cổng Sân bay cũ đến đường liên phường) quận Hải An	UBND quận Hải An	2857/QĐ-UBND 30/10/2017	242.530	242.530	136.648	136.498	106.032	
16	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường xung quanh Trung tâm thương mại AEONMALL Hải Phòng Lê Chân	UBND quận Lê Chân	1731/QĐ-UBND, 26/7/2019	119.278	119.278	85.800	85.800	33.478	
17	Xây dựng tuyến đường trục đô thị nối đường liên phường với đường 356 (giai đoạn II tuyến đường liên phường) quận Hải An	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	2855/QĐ-UBND 30/10/2017	282.574	282.574	240.030	240.030	42.544	
18	Cải tạo, nâng cấp đường Cúc Phó - Ninh Đông (đoạn từ xã Cộng Hiền đến xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo)	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	2781/QĐ-UBND, 29/10/2018	42.912	37.162	25.000	25.000	12.162	

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết tháng 6/2021		Nhu cầu vốn NSTP còn lại	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Trong đó: NSTP		
19	Xây dựng cầu sông Hóa, nối giữa huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng và huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	869/QĐ-UBND, 10/4/2019	185.034	182.004	135.900	135.900	46.104	
20	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Quyền	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	2634/QĐ-UBND 28/10/2016	79.650	79.650	63.935	63.935	15.715	
21	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường phòng chống lụt bão và trực liên xã Bắc Hưng - Nam Hưng - Đông Hưng - Tây Hưng (đoạn từ ngã ba Quán Cháy đi cống C4)	UBND huyện Tiên Lãng	2884/QĐ-UBND 28/10/2017	141.033	126.167	146.989	122.689	3.478	
22	Dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng đường Máng Nước từ ngã tư Tôn Đức Thắng - Quốc lộ 5 đến đường tỉnh 351, huyện An Dương	UBND huyện An Dương	908/QĐ-UBND, 02/4/2021	359.817	359.817	200.000	200.000	159.817	
23	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối đường liên phường với tuyến đường trong khu công nghiệp Nam Trảng Cát, quận Hải An	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	1254/QĐ-UBND, 02/4/2021	162.675	162.675	0	0	162.675	
24	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Máng Nước từ chân Cầu Bính nối với đường 359 tại Thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên	UBND huyện Thủy Nguyên	2636/QĐ-UBND 28/10/2016	420.005	420.005	167.000	167.000	253.005	
I.2	<i>Công trình công cộng tại các đô thị; Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới</i>			13.084.796	13.084.796	11.519.337	11.507.935	1.576.861	
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm	BQLDA phát triển đô thị và đầu tư xây dựng công trình dân dụng	2008/QĐ-UBND 15/9/2016 2632/QĐ-UBND 10/10/2018	9.899.085	9.899.085	9.891.090	9.891.090	7.995	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Bắc sông Cấm	BQLDA phát triển đô thị và đầu tư xây dựng công trình dân dụng	2610/QĐ-UBND 28/10/2016 2553/QĐ-UBND 24/10/2019	911.134	911.134	680.582	680.582	230.552	

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết tháng 6/2021		Nhu cầu vốn NSTP còn lại	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Trong đó: NSTP		
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Bắc Sông Cấm (giai đoạn 2)	BQLDA phát triển đô thị và đầu tư xây dựng công trình dân dụng	2247/QĐ-UBND, 20/9/2019	637.897	637.897	309.200	309.200	328.697	
4	Đầu tư chỉnh trang đô thị (xây dựng hạ tầng kỹ thuật) tại khu đất số 4 Trần Phú, quận Ngô Quyền và phục vụ đấu giá đất	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	875/QĐ-UBND, 10/4/2019	70.305	70.305	48.550	48.500	21.805	
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ Khu 47 Lê Lai, phường Máy Chai; Khu 311 Đà Nẵng, phường Cầu Tre và U1, U2, U3 Lê Lợi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	BQLDA phát triển đô thị và đầu tư xây dựng công trình dân dụng	2856/QĐ-UBND, 31/10/2018	330.140	330.140	118.623	118.623	211.518	
6	Xây dựng khu tái định cư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông Khê 2 tại phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền	UBND quận Ngô Quyền	50/QĐ-UBND, 11/01/2012 54/QĐ-UBND, 12/01/2015	198.516	198.516	160.156	160.156	38.360	
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất tái định cư dự án đầu tư xây dựng đường Đông Khê 2 tại phường Đông Khê, quận Ngô Quyền	UBND quận Ngô Quyền	564/QĐ-UBND 14/03/2017	69.161	69.161	39.400	39.400	29.761	
8	Xây dựng Khu tái định cư đảo Cát Hải - giai đoạn 1 (tại các xã Văn Phong, Nghĩa Lộ, Hoàng Châu - diện tích 19,68ha)	UBND huyện Cát Hải	547/QĐ-UBND, 14/3/2019	642.879	642.879	121.736	110.384	532.494	
9	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 9,2 ha phường Thành Tô, quận Hải An	UBND quận Hải An	1655/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	138.552	138.552			138.552	
10	Xây dựng Khu tái định cư phục vụ GPMB Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường Máng Nước từ chân cầu Bính nối với đường 359 tại thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên	UBND huyện Thủy Nguyên	2905/QĐ-UBND 31/10/2017	187.127	187.127	150.000	150.000	37.127	
I.3	<i>Nông nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>			979.702	829.423	492.045	343.214	486.209	

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết tháng 6/2021		Nhu cầu vốn NSTP còn lại	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Trong đó: NSTP		
1	Xây dựng hồ chứa và công trình thủy lợi cung cấp nước ngọt tại xã Xuân Đám, huyện Cát Hải	BQLDA các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	984/QĐ-UBND, 23/6/2010 447/QĐ-UBND, 05/3/2013 2343/QĐ-UBND, 31/10/2014 1117/QĐ-UBND, 04/5/2020	131.453	60.621	100.832	30.000	30.621	
2	Xây dựng Cảng cá Trân Châu tại đảo Cát Bà, huyện Cát Hải	BQLDA các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	2893/QĐ-UBND 30/10/2017 91/QĐ-UBND, 11/01/2019	297.324	297.324	225.684	225.184	72.140	
3	Xây dựng công trình Kiên cố hóa và điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đê tả Lạch Tray từ cầu An Đồng đến cầu Rào, đoạn K19+000 - K25+750	BQLDA các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	871/QĐ-UBND, 06/02/2010 2385/QĐ-UBND, 19/10/2015 2895/QĐ-UBND, 02/11/2018	235.766	161.267	120.529	43.030	118.237	
4	Tu bổ, nâng cấp đê điều xung yếu năm 2021 thành phố Hải Phòng	BQLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	2885/QĐ-UBND 31/10/2017; 3758/QĐ-UBND, 11/12/2020	46.000	46.000	15.000	15.000	31.000	
5	Cải tạo mặt đê kết hợp làm đường giao thông đoạn đê hữu sông Thái Bình (từ xã Tân Liên đến cầu Hàn), huyện Vĩnh Bảo	UBND huyện Vĩnh Bảo	3706/QĐ-UBND, 07/12/2020	269.159	264.211	30.000	30.000	234.211	
I.4	Khu công nghiệp và khu kinh tế			562.103	172.103	439.620	49.620	122.483	
I	Xây dựng mở rộng đường trục qua Khu công nghiệp Đình Vũ, thành phố Hải Phòng	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	2133/QĐ-UBND, 29/10/2013 3077/QĐ-UBND, 21/11/2018	562.103	172.103	439.620	49.620	122.483	
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội			464.095	455.145	313.150	313.150	141.995	
1	Xây dựng, nâng cấp Trụ sở Công an thành phố	Công an thành phố	2904/QĐ-UBND 31/10/2017	165.907	165.907	94.500	94.500	71.407	
2	Xây dựng doanh trại Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy số 1 - Khu vực Dương Kinh	Công an thành phố	2828/QĐ-UBND, 30/10/2018	55.949	46.999	30.000	30.000	16.999	

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết tháng 6/2021		Nhu cầu vốn NSTP còn lại	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Trong đó: NSTP		
3	Đóng mới tàu chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông, biển	Công an thành phố	2846/QĐ-UBND, 31/10/2018	199.742	199.742	154.550	154.550	45.192	
4	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Đằng Lâm, quận Hải An	Công an thành phố	2912/QĐ-UBND 31/10/2017	13.500	13.500	10.850	10.850	2.650	
5	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng	Công an thành phố	2913/QĐ-UBND 31/10/2017	13.999	13.999	11.250	11.250	2.749	
6	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân	Công an thành phố	2935/QĐ-UBND 31/10/2017	14.998	14.998	12.000	12.000	2.998	
III	Quốc phòng			234.286	160.737	187.340	127.340	33.397	
1	Xây dựng trung tâm huấn luyện dự bị động viên thuộc Bộ Chỉ huy quân sự thành phố	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố	1571/QĐ-UBND, 04/10/2011	105.070	31.521	84.030	24.030	7.491	
2	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp doanh trại Trường Quân sự thành phố	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố	2580/QĐ-UBND, 23/12/2009	42.393	42.393	33.910	33.910	8.483	
3	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp căn cứ hậu phương số 1 Khu vực phòng thủ thành phố Hải Phòng, mật danh: CCHP/HP-2016	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố	2621/QĐ-UBND, 31/10/2016	86.823	86.823	69.400	69.400	17.423	
IV	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			357.870	278.870	208.488	125.900	152.970	
1	Xây dựng Nhà học thí nghiệm, học tiếng, học bộ môn Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Phú	BQLDA phát triển đô thị và đầu tư xây dựng công trình dân dụng	2938/QĐ-UBND, 31/10/2017	70.968	70.968	46.000	46.000	24.968	
2	Xây dựng Trường mầm non Nhi Đức	UBND quận Kiến An	2897/QĐ-UBND 30/10/2017	63.086	63.086	48.588	39.200	23.886	
3	Xây dựng, sửa chữa Trường THPT Ngô Quyền	BQLDA phát triển đô thị và đầu tư xây dựng công trình dân dụng	2566/QĐ-UBND, 25/10/2019	47.292	47.292	35.200	35.200	12.092	
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Giáo dục thể chất, Trường Đại học Hải Phòng	Trường Đại học Hải Phòng	1641/QĐ-UBND, 25/08/2009 1723/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 2003/QĐ-UBND, 14/7/2021	176.525	97.525	78.700	5.500	92.025	
V	Y tế, dân số và gia đình			597.169	575.022	280.477	265.800	309.222	



Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết tháng 6/2021		Nhu cầu vốn NSTP còn lại	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Trong đó: NSTP		
1	Chỉnh trang, nâng cấp Bệnh viện Trẻ em	BQLDA phát triển đô thị và đầu tư xây dựng công trình dân dụng	2613/QĐ-UBND 09/10/2017	76.676	76.676	61.300	61.300	15.376	
2	Xây dựng Bệnh viện Y học Cổ truyền Hải Phòng - Giai đoạn I	BQLDA phát triển đô thị và đầu tư xây dựng công trình dân dụng	2662/QĐ-UBND 31/10/2016	188.742	188.742	146.500	146.500	42.242	
3	Xây dựng nhà điều trị 5 tầng Bệnh viện Lao và bệnh Phổi	BQLDA phát triển đô thị và đầu tư xây dựng công trình dân dụng	2664/QĐ-UBND 31/10/2016	57.435	57.435	46.000	46.000	11.435	
4	Dự án đầu tư Trang thiết bị triển khai kỹ thuật can thiệp tim mạch - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	469/QĐ-UBND 27/02/2015	52.129	39.955	13.339	6.000	33.955	
5	Trung tâm Y tế quận Dương Kinh	UBND quận Dương Kinh	701/QĐ-UBND, ngày 12/03/2021	222.187	212.214	13.339	6.000	206.214	
VI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức			296.460	231.460	161.540	161.540	69.920	
1	Xây dựng mới đơn nguyên 2 tòa án nhân dân quận Ngô Quyền và tu bổ, bảo tồn tòa nhà Pháp phía trước	BQLDA phát triển đô thị và đầu tư xây dựng công trình dân dụng	2636/QĐ-UBND, 30/10/2019	27.662	27.662	21.470	21.470	6.192	
2	Xây dựng Trung tâm Hành chính - Chính trị quận Ngô Quyền	UBND quận Ngô Quyền	3544/QĐ-UBND, 25/11/2020	254.175	189.175	130.000	130.000	59.175	
3	Xây dựng Hội trường xét xử thân thiện, phòng làm việc của thẩm phán và thư ký Tòa Gia đình và người chưa thành niên, Trung tâm lưu trữ hồ sơ Tòa án nhân dân thành phố	BQLDA phát triển đô thị và đầu tư xây dựng công trình dân dụng	53/QĐ-UBND, 07/01/2020	14.623	14.623	10.070	10.070	4.553	
VII	Bảo vệ môi trường			145.275	87.275	112.050	54.050	33.225	
1	Xây dựng Khu xử lý chất thải rắn Áng Chà Chà - giai đoạn I, xã Trần Châu, huyện Cát Hải	UBND huyện Cát Hải	2896/QĐ-UBND 30/10/2017 2107/QĐ-UBND, 06/9/2019	116.408	58.408	90.000	32.000	26.408	
2	Cải tạo và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật Khu xử lý chất thải rắn Đình Vũ	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng	2637/QĐ-UBND 28/10/2016	14.985	14.985	12.000	12.000	2.985	

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết tháng 6/2021		Nhu cầu vốn NSTP còn lại	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Trong đó: NSTP		
3	Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp Trạm xử lý nước thải Cụm công nghiệp Tân Liên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và khu kinh tế, khu công nghiệp	2630/QĐ-UBND 10/10/2018	13.882	13.882	10.050	10.050	3.832	

BIỂU III: PHÂN BÒ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỚI

(Gửi kèm theo Nghị quyết số 39 /NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	QB phê duyệt		Ghi chú	
		Số QB	TMDT		
			Tổng số		Trong đó: NSTP
	Tổng số		31.186.264	30.080.764	
A	Các dự án trọng điểm		24.222.141	23.116.641	
I	Hoạt động kinh tế		24.034.662	22.929.162	
I.1	Công trình công cộng tại các đô thị; Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới		7.165.500	7.165.500	
1	Công trình kiến trúc Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm		4.180.500	4.180.500	
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu chung cư Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền		2.985.000	2.985.000	
I.2	Giao thông		16.869.162	15.763.662	
1	Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi	49/NQ-HĐND ngày 22/12/2020	5.375.316	5.375.316	
2	Dự án đầu tư xây dựng cầu Bến Rừng nối huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	50/NQ-HĐND ngày 22/12/2020	1.940.990	835.490	
3	Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện	51/TTr-UBND ngày 18/6/2021	7.439.524	7.439.524	
4	Dự án đầu tư xây dựng cầu Lại Xuân và cải tạo, mở rộng đường tỉnh 352	97/TTr-UBND ngày 16/7/2020	1.334.876	1.334.876	
5	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt sông Hóa và đoạn tuyến qua Hải Phòng của tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu Ngành	45/TTr-UBND ngày 14/6/2021	778.456	778.456	
II	Văn hóa thông tin		187.479	187.479	
1	Dự án đầu tư xây dựng tu bổ, tôn tạo quần thể di tích Bến K15, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng	28/NQ-HĐND ngày 19/7/2019	187.479	187.479	
B	Các dự án khôi công mới khác		6.964.123	6.964.123	
I	Hoạt động kinh tế		5.520.601	5.520.601	
I.1	Công trình công cộng tại các đô thị; Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới		1.851.683	1.851.683	
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu đất thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân	42/NQ-HĐND, ngày 22/12/2020	481.414	481.414	
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu đất trận địa dự bị của cPPK172/e240 và cPPK 171/e240 thuộc quần chủng Phòng không - không quân	44/NQ-HĐND, ngày 22/12/2020	142.615	142.615	
3	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất trận địa chính thức của cPPK172/e240 và TLd72/e285 thuộc quần chủng Phòng không - Không quân	43/NQ-HĐND, ngày 22/12/2020	129.133	129.133	
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất của trung đoàn bộ 238/F363 và khu gia đình quân nhân của sư đoàn 363 thuộc quần chủng Phòng không - Không quân	45/NQ-HĐND, ngày 22/12/2020	269.442	269.442	
5	Dự án đầu tư xây dựng công viên Nút Nam Cầu Bính	48/TTr-UBND ngày 15/6/2021	134.528	134.528	

STT	Tên dự án	QĐ phê duyệt			Ghi chú
		Số QĐ	TMDT		
			Tổng số	Trong đó: NSTP	
6	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng sân golf Hải Phòng Sakura Club tại huyện An Lão	47/TTr-UBND ngày 15/6/2021	73.033	73.033	
7	Dự án xây dựng mở rộng nghĩa trang Đồng Chợ, xã Trường Thành, huyện An Lão phục vụ giải phóng mặt bằng cho Dự án quần thể sân golf Hải Phòng Sakura Golf Club tại huyện An Lão	55/TTr-UBND ngày 28/6/2021	37.787	37.787	
8	Chỉnh trang sông Tam Bạc đoạn từ cầu Lạc Long đến cầu Hoàng Văn Thụ		572.335	572.335	
9	Báo cáo KTKT đầu tư giải phóng mặt bằng Tòa án nhân dân quận Kiến An giai đoạn II, làm sân, đường vào, cổng, tường rào	58/QĐ-UBND ngày 08/01/2020	11.396	11.396	
I.2	Giao thông		3.668.918	3.668.918	
1	Đầu tư xây dựng tuyến đê tả sông Cấm đoạn từ K25+000 đến K31+741 tại huyện Thủy Nguyên	26/NQ-HĐND ngày 22/7/2020	2.980.087	2.980.087	
2	Dự án đầu tư xây dựng nút giao khác mức tại Ngã 4 đường Tôn Đức Thắng - Máng Nước - Quốc lộ 5	43/TTr-UBND ngày 04/6/2021	688.831	688.831	
II	Môi trường		1.067.748	1.067.748	
1	Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải, hệ thống tín hiệu giao thông và công	48/NQ-HĐND, ngày 22/12/2020	1.067.748	1.067.748	
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		375.774	375.774	
1	Dự án đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng đào tạo nghề kỹ thuật giai đoạn 1	59/TTr-UBND ngày 08/07/2021	375.774	375.774	
C	Vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án sẽ đầu tư mới và các dự án sẽ điều chỉnh				

**BIỂU IV: PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG
CHO CÁC DỰ ÁN NỢ ĐONG XÂY DỰNG CƠ BẢN**

(Gửi kèm theo Nghị quyết số

39 /NQ-HĐND ngày 12 / 8 /2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Nợ đọng XD CB đến 31/12/2020		Ghi chú
		Chủ đầu tư	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: NSTP	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTP			
	Tổng số			6.202.781	2.170.485	251.402	251.402	
1	Dự án Công viên Vụng Hương	Công ty CP CTCC và DV DLHP	2194/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	8.985	8.985	7.360	7.360	
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Liên (giai đoạn II)	Ban QLDA XD HT kỹ thuật các cụm công nghiệp	1552/QĐ-UBND ngày 20/9/2010; 2634/QĐ-UBND ngày 20/11/2015	112.222	112.222	1.656	1.656	
3	Trung tâm y tế dự phòng thành phố	BQL CT PTĐT và ĐTXD CT DD	Số 598/QĐ-UBND ngày 12/4/2016	6.829	1.329	1.200	1.200	
4	Nâng cấp đê biển I đoạn từ K0+000 đến K11+500 từ K17+000 đến K17+591	Ban QLDA ĐTXD các CT NN&PTNT	2337/QĐ-UBND ngày 28/12/2012	306.753	154.753	7.544	7.544	
5	Dự án đầu tư xây dựng Cảng Trần Châu tại đảo Cát Bà, huyện Cát Hải	Ban QLDA ĐTXD các CT NN&PTNT	2893/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	282.538	282.538	56.853	56.853	
6	Dự án đầu tư bố trí, sắp xếp và ổn định dân cư khu vực Khe Sâu, đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng	Chi cục phát triển nông thôn	66/QĐ-UBND ngày 17/01/2011	46.164	19.395	3.755	3.755	

Stt	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Nợ đọng XDCB đến 31/12/2020		Ghi chú	
		Chủ đầu tư	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số		Trong đó: NSTP
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTP			
7	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm giáo dục - lao động - hòa nhập cộng đồng Hải Phòng	Tổng đội TNXP Hải Phòng	2468/QĐ-UBND ngày 16/10/2002 1979/QĐ-UBND ngày 30/9/2009	151.576	111.576	5.840	5.840	
8	Dự án đầu tư xây dựng mạng cáp ngầm 0,4Kv cấp điện sản xuất, sinh hoạt và nhiệm vụ quốc phòng an ninh tại đảo Bạch Long Vỹ	Tổng đội TNXP Hải Phòng	2659/QĐ-UBND ngày 08/10/2004 2352/QĐ-UBND ngày 12/10/2005	7.962	0	1.653	1.653	
9	Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi phục vụ cấp nước cho đảo Bạch Long Vĩ (giai đoạn 1)	Tổng đội TNXP Hải Phòng	1648/QĐ-UBND ngày 17/10/2011	188.192	16.192	9.020	9.020	
10	Dự án đầu tư xây dựng Cầu Rào II	BQL da ĐTXD các CTGT Hải Phòng	646/QĐ-UBND ngày 16/4/2009	660.319	61.059	1.044	1.044	
11	Dự án xây dựng tuyến đường cầu Rào - Nút giao Nguyễn Văn Linh	BQL da ĐTXD các CTGT Hải Phòng	1861/QĐ-UBND ngày 22/9/2009	291.851	291.851	6.243	6.243	
12	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Hải Phòng - giai đoạn 1	BCH Thành đoàn Hải Phòng	587/QĐ-UBND ngày 26/3/2009	82.639	82.639	5.726	5.726	
13	Đường bao Đông Nam quận Hải An	UBND quận Hải An	587/QĐ-UBND ngày 9/4/09; 1195/QĐ-UBND ngày 31/7/12	2.066.540	200.000	18.111	18.111	
14	Dự án xây dựng điện chiếu sáng, lan can hồ Phương Lưu	BQL CT PTĐT và ĐTXD CT DD	39/QĐ-UBND ngày 13/01/2011	13.830	13.830	345	345	

Stt	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Nợ đọng XDCB đến 31/12/2020		Ghi chú
		Chủ đầu tư	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: NSTP	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTP			
15	Dự án đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng Vườn Quốc gia Cát Bà thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2010 - 2015	Vườn Quốc gia Cát Bà	1843/QĐ-UBND ngày 30/10/2010	270.044	0	5.000	5.000	
16	Dự án quản lý và xử lý chất thải rắn Hải Phòng	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	1359/QĐ-UBND ngày 8/6/2015	351.413	88.249	2.909	2.909	
17	Dự án đầu tư xây dựng bãi rác tạm Đình Vũ và trạm xử lý nước rỉ rác tại bãi rác tạm Đình Vũ	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	2945/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 và 501/QĐ-UB ngày 5/4/2005	6.388	6.388	770	770	
18	Dự án đầu tư trang thiết bị Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	Bệnh viện trẻ em Hải Phòng	1590/QĐ-UBND ngày 13/8/2009	146.450	58.580	1.149	1.149	
19	Dự án đầu tư Trang thiết bị triển khai kỹ thuật can thiệp tim mạch - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	Bệnh viện trẻ em Hải Phòng	469/QĐ-UBND ngày 27/02/2015	52.129	39.955	23.279	23.279	
20	Dự án Bệnh viện đa khoa huyện Tiên Lãng	BQL CT PTĐT và ĐTXD CT DD	1617/QĐ-UBND ngày 01/10/2010; 1969/QĐ-UBND ngày 13/9/2016	57.630	20.674	9.721	9.721	
21	Bệnh viện đa khoa huyện Kiến Thụy	BQL CT PTĐT và ĐTXD CT DD	798/QĐ-UBND ngày 27/5/2011	51.685	51.435	6.180	6.180	
22	Bệnh viện đa khoa quận Hải An	BQL CT PTĐT và ĐTXD CT DD	1276/QĐ-UBND ngày 06/7/2009	81.850	32.728	3.285	3.285	

Stt	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Nợ đọng XDCB đến 31/12/2020		Ghi chú
		Chủ đầu tư	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: NSTP	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTP			
23	Dự án xây dựng Khu huấn luyện đua thuyền thành phố Hải Phòng giai đoạn I	BQL CT PTĐT và ĐTXD CT DD	1155/QĐ-UBND ngày 09/6/2014	194.039	68.047	16.423	16.423	
24	Dự án Trung tâm huấn luyện và tổ chức thi đấu môn bắn súng, bắn cung	BQL CT PTĐT và ĐTXD CT DD	2105/QĐ-UBND ngày 30/11/2012	255.689	49.798	9.834	9.834	
25	Dự án Cải tạo đoạn đường du lịch từ nút giao thông đầu Khu I đến Đồi Độc - Đồi Sơn	BQL CT PTĐT và ĐTXD CT DD	2225/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	93.842	40	3.034	3.034	
26	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích đình Dư Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	BQL CT PTĐT và ĐTXD CT DD	2552/QĐ-UBND ngày 24/12/2013	34.014	17.014	2.489	2.489	
27	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất TĐC phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố	UBND quận Lê Chân	1857/QĐ-UBND ngày 06/09/2016	139.025	139.025	7.006	7.006	
28	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp vỉa hè, kè đá sông đào Hạ Lý đường Lán Bè, đoạn từ cầu An Dương đến cầu An Đồng	UBND quận Lê Chân	2678/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	61.723	61.723	289	289	
29	Dự án đầu tư xây dựng đường vào cơ quan nội chính, tư pháp quận Lê Chân	UBND quận Lê Chân	2934/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	61.182	61.182	3.124	3.124	

Stt	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Nợ đọng XDCB đến 31/12/2020		Ghi chú	
		Chủ đầu tư	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số		Trong đó: NSTP
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTP			
30	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường xung quanh Trung tâm Thương mại AEONMALL Hải Phòng Lê Chân	UBND quận Lê Chân	1731/QĐ-UBND ngày 26/07/2019	119.278	119.278	30.559	30.559	

**BIỂU V: PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG
CHO CÁC DỰ ÁN THU HỒI VỐN ỨNG TRƯỚC**

(Gửi kèm theo Nghị quyết số **39** /NQ-HĐND ngày **12** / **8** /2021
của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Vốn ứng trước chưa thu hồi đến hết KH năm 2021	Nhu cầu năm 2022	Ghi chú
	TỔNG SỐ	35.862,014	35.862,014	
1	7465798 - Xây dựng tuyến đường gom Khu công nghiệp Trảng Duệ	5.500,000	5.500,000	
2	7030557 - Bảo tồn đa dạng sinh học Vườn Quốc gia Cát Bà 2007 - 2011 thuộc Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng (0311)	697,400	697,400	
3	7195810 - Bảo vệ rừng phòng hộ ven biển (Thành hội Chữ Thập Đỏ) thuộc Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng (0311)	113,400	113,400	
4	220000132 - Neo đậu tàu thuyền dịch vụ bắt cá Ngọc Hải, Đồ Sơn	2.015,000	2.015,000	
5	220070009 - Nâng cấp hệ thống thủy lợi Hòn Ngọc, huyện Thủy Nguyên	6.337,000	6.337,000	
6	7036119 - Cầu Rào-Nút giao đường Nguyễn Văn Linh	10.000,000	10.000,000	
7	7047809 - Trung tâm dưỡng sinh và phục hồi sức khỏe cán bộ thành phố	6.000,000	6.000,000	
8	7030711 - Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội số 2 (khu dạy nghề người sau cai nghiện)	4.999,214	4.999,214	
9	7370292 - Xây dựng hệ thống trình diễn nhạc nước kết hợp âm thanh, ánh sáng, đài phun nước tại khu vực lòng hồ Tam Bạc (gđ 1)	200,000	200,000	

BIỂU VI: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Gửi kèm theo Nghị quyết số

39 /NQ-HĐND ngày

12 / 8

/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến tháng 6/2021		Nhu cầu vốn NSTW năm 2022	
		Số QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
	TỔNG SỐ		13.043.661	7.416.657	3.634.594	3.233.438	2.180.671	480.671
A	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		5.727.355	3.783.363	3.629.115	2.228.438	480.671	480.671
I	Hoạt động kinh tế		5.727.355	3.783.363	3.629.115	2.228.438	480.671	480.671
I.1	Giao thông		5.727.355	3.783.363	3.629.115	2.228.438	480.671	480.671
1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Khu bay Cảng hàng không quốc tế Cát Bi	375/QĐ-UBND, 15/02/2013; 3095/QĐ-UBND, 12/12/2016; 167/QĐ-UBND, 23/01/2017; 1396/QĐ-UBND, 13/6/2019; 1472/QĐ-	3.660.815	2.483.363	2.998.075	1.759.188	400.921	400.921
2	Đường bao Đông Nam quận Hải An đoạn từ khu vực chân cầu Rào đến vị trí giao với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	587/QĐ-UBND, 04/9/2009; 1195/QĐ-UBND, 31/7/2012	2.066.540	1.300.000	631.040	469.250	79.750	79.750
B	Dự án khởi công mới		7.316.306	3.633.294	5.479	1.005.000	1.700.000	0
I	Hoạt động kinh tế		7.316.306	3.633.294	5.479	1.005.000	1.700.000	0
I.1	Giao thông		7.316.306	3.633.294	5.479	1.005.000	1.700.000	0
1	Dự án đầu tư xây dựng cầu Bến Rừng	50/NQ-HĐND ngày 22/12/2020	1.940.990	1.100.000	5.000	5.000	700.000	0
2	Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi	49/NQ-HĐND ngày 22/12/2020	5.375.316	1.692.304	479	0	1.000.000	0